TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1449/2025/DS-ST.
Ngày: 06-10-2025.
V/v tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Thuý Vân.

Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Văn Hoàng.

2/ Bà Hồ Thị Lang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Hải An. là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5. Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5. Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Thuý Lan. Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 8. ngày 23 và 30 tháng 9. ngày 06 tháng 10 năm 2025. tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 162/2025/TLST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2025/QĐXXST-KDTM ngày 03 tháng 07 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2025/QĐST-KDTM ngày 01 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Công ty Cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên QT**.

Mã số doanh nghiệp: 030473xxxx.

Trụ sở: Cao ốc Saigon Trade Centre, 37 Tôn Đức Thắng, phường Sài Gòn (trước là: phường Bến Nghé. Quận 1), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông NVV, sinh năm 2002. CCCD số: 0702020xxxxx. địa chỉ liên hệ: Tầng 28 Cao ốc Saigon Trade Centre. 37 Tôn Đức Thắng, phường Sài Gòn (trước là: phường Bến Nghé. Quận 1), Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy uỷ quyền số 726/2025/GUQ-COL ngày 06/8/2025).

2. Bị đơn: Ông **NTT**, sinh năm 1993.

Căn cước công dân số: 075093004536.

Địa chỉ: 602/128/10 DPP. phường Thạnh Mỹ Tây (trước là: Phường 22. quận Bình Thạnh). Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi. nghĩa vụ liên quan: Bà **TSM**, sinh năm 1973.

Căn cước công dân số: 0751730xxxxx.

Địa chỉ: phường Thủ Đức (trước là: Khu phố 20, phường Trường Thọ, thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn Công ty Cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên QT có đại diện là ông NVV trình bày:*

Công ty Cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên QT và ông NTT ký Hợp đồng số B221038901 ngày 25/10/2022 cho thuê tài chính là ô tô tải (có mui) hiệu Dongfeng, biển số 50H-201.20 với thời hạn cho thuê tài chính là 60 tháng, kể từ ngày 28/10/2022 đến ngày 25/10/2027, lãi suất thuê là lãi suất thả nổi tính theo lãi suất tiêu chuẩn VNĐ của Công ty QT cộng biên độ 6.45%/năm (mức lãi suất thuê tạm tính tại ngày bắt đầu thuê là 12.5%/năm), thanh toán tiền thuê vào ngày 25 hàng tháng bao gồm một phần vốn gốc cố định là 18.727.440 đồng (đã bao gồm VAT 8%, gốc thuần là 17.340.222 đồng) và khoản tiền lãi được tính trên dư nợ giảm dần. Theo nội dung hợp đồng, ông NTT trả trước 198.037.965 đồng và Công ty QT vẫn đứng tên chủ sở hữu đối với tài sản cho thuê tài chính.

Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tiền thuê tài chính, bà TSM có Thư bảo lãnh cá nhân ngày 25/10/2022. Theo nội dung thư bảo lãnh. trường hợp ông NTT không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng cho thuê tài chính nêu trên, TSM cam kết sẽ thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê tài chính thay cho ông NTT.

Để thực hiện hợp đồng cho thuê tài chính, Công ty QT ký Hợp đồng mua bán số B221038901-PC ngày 25/10/2022 với Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Phú Mẫn để mua ô tô tải nêu trên với giá 1.320.253.100 đồng (đã bao gồm thuế. lệ phí trước bạ, phí bảo hiểm); ông NTT đã ký Biên bản bàn giao và nghiệm thu tài sản thuê ngày 28/10/2022 để xác nhận về việc đã nhận tài sản.

Ông NTT đã thanh toán 05 kỳ tổng cộng 170.868/741 đồng nhưng sau đó ông NTT không tiếp tục thanh toán theo thoả thuận hợp đồng, Công ty QT đã có Thông báo ngày 20/6/2023 cho ông NTT về việc chấm dứt hợp đồng thuê và thu hồi nợ trước hạn do hành vi vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ông NTT đã bàn giao tài sản thuê cho Công ty QT ngày 10/8/2023 để xử lý.

Sau khi xử lý tài sản. ông NTT đã thanh toán tổng cộng là 996.562.415 đồng, trong đó: tiền gốc 918.881.560 đồng và tiền lãi 77.680.855 đồng (đã bao gồm tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo ngày 13/12/2023 là 700.000.000 đồng đã bao gồm VAT, tiền ký cược còn lại 111.003.088 đồng, thu từ chênh lệch VAT là 14.690.587 đồng, chi phí vận chuyển tài sản về kho của công ty 2.222.222 đồng, phí thuê kho từ ngày 11/8/2023 đến tháng 12/2023 là 8.800.000 đồng). Tuy nhiên, ông NTT không tiếp tục thanh toán số tiền gốc còn lại 203.333.575 đồng và tiền lãi phát sinh sau khi xử lý tài sản bảo đảm ngày 13/12/2023.

Vì vậy. Công ty QT khởi kiện ông NTT yêu cầu thanh toán số tiền gốc còn thiếu của hợp đồng là 203.333.575 đồng, tiền lãi trong hạn đến ngày 22/6/2023 là 377.235.292 đồng (trong đó: tiền lãi thuê là 299.419.173 đồng. tiền lãi thuê điều chỉnh là 36.587.811 đồng, lãi quá hạn là 1.247.279 đồng, tiền lãi chậm thanh toán 373.436 đồng, giá trị còn lại là 39.607.593 đồng).

** Bị đơn ông NTT.*

Ông NTT đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, triệu tập để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp. tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 25/6/2025 và 02/7/2025 và lịch tiến hành tố tụng cho đến khi mở phiên tòa lần hai của Tòa án đã được thực hiện công bố công khai theo Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng ông NTT không đến làm việc và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn ông NTT.

** Người có quyền lợi. nghĩa vụ liên quan bà TSM.*

Bà TSM đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án , triệu tập để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 25/6/2025 và 02/7/2025, nhưng bà TSM không đến làm việc và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà TSM.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5. Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*

Công ty Cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên QT khởi kiện tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính đối với ông NTT, cư trú: 602/128/10 DPP. phường Thạnh Mỹ Tây (trước là: Phường 22. quận Bình Thạnh). Thành phố Hồ Chí Minh, nên Toà án thụ lý đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý đến tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy

định pháp luật. Các đương sự được nhận các văn bản tố tụng để thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu. chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

Tại phiên tòa, ông NVV. đại diện hợp pháp của nguyên đơn, giữ khởi kiện của Công ty Cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên QT đối với ông NTT yêu cầu thanh toán số tiền còn thiếu của Hợp đồng cho thuê tài chính số B221038901 ngày 25/10/2022 với số tiền nợ gốc còn lại 173.940.107 đồng, tiền lãi thuê còn lại phải trả từ khi chấp dứt hợp đồng ngày 22/6/2023 đến khi kết thúc hợp đồng theo thỏa thuận tại hợp đồng là 300.884.051 đồng, tiền lãi thuê trong hạn đến ngày 22/6/2023 là 65.941.714 đồng, tiền lãi thuê quá hạn đến ngày 22/6/2023 là 1.886.296 đồng, tiền lãi thuê chậm trả đến ngày 22/6/2023 là 1.515.641 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán cho đến khi thanh toán xong (tạm tính đến ngày xét xử 06/10/2025. tiền lãi do chậm thanh toán 00 đồng do chưa phát sinh); trong trường hợp ông NTT không thực hiện đúng nghĩa vụ. Công ty Chailease yêu cầu bà TSM thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo nội dung thư bảo lãnh đã ký.

[1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Xét Công ty Cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên QT khởi kiện tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính đối với ông NTT nên căn cứ Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025), tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân.

Theo kết quả xác minh của Công an Phường 22. quận Bình Thạnh (nay là: phường Thạnh Mỹ Tây), Thành phố Hồ Chí Minh, Công an Phường 10, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh và Công an phường Hiệp Tân, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, có đủ cơ sở xác định ông NTT có địa chỉ cư trú cuối cùng tại 602/128/10 DPP. phường Thạnh Mỹ Tây (trước là: Phường 22. quận Bình Thạnh). Thành phố Hồ Chí Minh do nhà đã bán từ năm 2019 nên căn cứ Điều 35 Điều 36, và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 (được sửa đổi. bổ sung theo Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025), Khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025, tranh chấp về dân sự

này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên toà:

Xét bị đơn ông NTT, người có quyền lợi. nghĩa vụ liên quan bà TSM đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông NTT, bà TSM.

[3] Về khởi kiện yêu cầu thanh toán số tiền còn thiếu của hợp đồng cho thuê tài chính:

Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của các bên, Công ty QT hoạt động trong lĩnh vực tài chính được ghi nhận tại Giấy phép số 67a/GP-NHNN ngày 31/10/2017 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (mã số doanh nghiệp: 030473xxxx) của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (nay là: Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh – Phòng Đăng ký kinh doanh) và ông NTT có ký kết Hợp đồng cho thuê tài chính số B221038901 ngày 25/10/2022 cho thuê tài chính là ô tô tải (có mui) hiệu Dongfeng, biển số 50H-201.20 với giá trị cho thuê là giá mua tài sản thuê, cộng các khoản thuế, phí, lệ phí và các chi phí khác có liên quan đến việc mua bán tài sản thuê trừ tiền trả trước 198.037.965 đồng, thời hạn cho thuê tài chính là 60 tháng, kể từ ngày 28/10/2022 đến ngày 25/10/2027, lãi suất thuê là lãi suất thả nổi tính theo lãi suất tiêu chuẩn VNĐ của Công ty QT cộng biên độ 6.45%/năm (mức lãi suất thuê tạm tính tại ngày bắt đầu thuê là 12.5%/năm), thanh toán tiền thuê vào ngày 25 hàng tháng bao gồm một phần vốn gốc cố định và khoản tiền lãi được tính trên dư nợ giảm dần. tiền lãi quá hạn theo lãi suất 1,5 lần lãi suất trong hạn, tiền lãi chậm thanh toán trên số tiền lãi thuê chưa trả theo lãi suất 10%/năm. Xét chủ thể, hình thức và nội dung hợp đồng cho thuê tài chính phù hợp quy định tại Điều 117, Điều 118, Điều 119 Bộ luật Dân sự 2015, Điều 112, Điều 113 Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 được sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017, Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 21, Điều 22 Nghị định số 39/2014/NĐ-CP ngày 07/5/2014 về hoạt động của công ty tài chính và công ty cho thuê tài chính và Thông tư số 30/2015/TT-NHNN ngày 25/12/2015 quy định về cấp giấy phép, tổ chức và hoạt động của Tổ chức tín dụng ngân hàng, nên các bên có trách nhiệm thực hiện đúng các thoả thuận này tại hợp đồng.

Xét tại khoản 7.4 Điều 7 hợp đồng, hai bên thoả thuận "*... Bên cho thuê sẽ dùng bất kỳ khoản tiền nào nhận được từ bên thuê và/hoặc nhận tiền từ bên thứ ba thanh toán thay cho bên thuê để khấu trừ các khoản tiền như sau: (i) lãi chậm*

thanh toán (nếu có). (ii) lãi quá hạn (nếu có). (iii) lãi điều chỉnh của lãi thuê (nếu có). (iv) lãi thuê. (v) thuế GTGT (nếu có). (vi) vốn gốc" nên căn cứ qui định tại Khoản 4 Điều 18 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 liên quan đến quyền *thoả thuận về thứ tự thu nợ gốc. lãi tiền vay; đối với khoản nợ vay bị quá hạn trả nợ, tổ chức tín dụng thực hiện theo thứ tự nợ gốc thu trước, nợ tiền lãi vay thu sau*, thoả thuận của hai bên về thứ tự thu khi có khoản nợ vay quá hạn là vô hiệu, thứ tự trừ của các khoản tiền mà ông NTT trả khi có khoản nợ quá hạn phải tuân theo quy định của pháp luật: Nợ gốc thu trước. nợ tiền lãi vay thu sau.

Thực hiện Hợp đồng số B221038901. Công ty QT – bên mua, Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Phú Mẫn – bên bán và ông NTT – bên sử dụng ký kết Hợp đồng mua bán số B221038901-PC ngày 25/10/2022 để mua ô tô tải (có mui) hiệu Dongfeng với giá đã gồm thuế giá trị gia tăng là 1.275.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng), không bao gồm chi phí trước bạ, phí đăng ký lưu hành, phí bảo hiểm và các chi phí liên quan khác (nếu có) được thanh toán ngày 28/10/2022; phí bảo hiểm xe cơ giới 01 năm thanh toán ngày 28/10/2022 19.753.100 đồng, lệ phí trước bạ nộp ngày 28/10/2022 là 25.500.000 đồng nên tổng giá trị tài sản mua là: 1.275.000.000 đồng + 19.753.100 đồng + 25.500.000 đồng = 1.320.253.100 đồng (Một tỷ ba trăm hai mươi triệu hai trăm năm mươi ba nghìn một trăm đồng).

Xét ông NTT đã nhận được tài sản thuê theo Biên bản bàn giao và nghiệm thu tài sản ngày 28/10/2022 và trả trước cho Công ty QT số tiền 198.037.965 đồng theo Hóa đơn số 00043314 ngày 28/10/2022 nên căn cứ Điều 4, Điều 5, Điều 7 Hợp đồng số B221038901 và Thông báo bắt đầu thuê số 3263/2210 ngày 31/10/2022. ông NTT có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thanh toán đúng hạn tiền thuê tài chính với giá trị thuê là 1.320.253.100 đồng – 198.037.965 đồng = 1.122.215.135 đồng và tiền lãi thuê theo lãi suất thỏa thuận từ ngày 28/10/2022 (ngày bắt đầu thuê) đến ngày 25/10/2027, đồng thời trả tiền ký cược là 132.025.310 đồng.

Xét ngày giải ngân tiền cũng là ngày bắt đầu thuê 28/10/2022 của thời hạn thuê theo thỏa thuận tại Điều 4 Hợp đồng số B221038901 nên việc ông NTT phải thanh toán tiền lãi thuê 11.689.741 đồng ngày 28/10/2022 theo Lịch trình thanh toán tiền thuê đính kèm Thông báo bắt đầu thuê số 3263/2210 do Công ty QT phát hành là trái quy định của Thông tư số 38/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định về phương pháp tính và hạch toán thu, trả lãi trong hoạt động nhận tiền gửi và cho vay giữa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam với tổ chức tín dụng và các tổ chức khác do chưa phát sinh số ngày duy trì số tiền thuê gốc. Do đó, số tiền mà ông NTT đã thanh toán 11.689.741 đồng tiền lãi theo Hóa đơn số 00043315 ngày 28/10/2022 được hạch toán vào tiền gốc nên số tiền thuê gốc mà ông NTT phải

thực hiện trả cho Công ty QT trong thời hạn thuê thỏa thuận là: 1.122.215.135 đồng - 11.689.741 đồng = 1.110.525.394 đồng (Một tỷ một trăm mười triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn ba trăm chín mươi bốn đồng).

Xét ông NTT vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại Điều 7 Hợp đồng số B221038901 nên Công ty QT đã gửi Thông báo số 02.2023/TB-NTT ngày 20/6/2023 cho ông NTT với nội dung chấm dứt hợp đồng thuê kể từ ngày 22/6/2023 và thu hồi tài sản thuê là phù hợp với thỏa thuận tại khoản 26.2 và khoản 26.3 Điều 26 Hợp đồng số B221038901.

Xét Hợp đồng cho thuê tài chính số B221038901 chấm dứt trước hạn ngày 22/6/2023 nhưng số tiền ký cược bảo đảm 132.025.310 đồng được hạch toán vào số tiền thuê trả vào ngày 19/12/2023 ghi nhận tại Hóa đơn số 00001969 sau khi trừ chi phí xử lý xong tài sản thuê là 111.003.088 đồng nên việc Công ty QT hạch toán tiền ký cược sau gần 6 tháng hợp đồng chấm dứt trước hạn là trái thỏa thuận tại khoản 13.3 Điều 13. điểm 26.3.5 khoản 26.3 Điều 26 Hợp đồng số B221038901.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần tính toán lại toàn bộ số tiền mà ông NTT đã thanh toán và tiền ký cược bảo đảm được hạch toán vào ngày hợp đồng cho thuê tài chính chấm dứt ngày 22/6/2023 cho phù hợp với thứ tự thanh toán theo quy định của pháp luật với số tiền thuê gốc phải trả hàng tháng là 18.727.440 đồng và các thỏa thuận khác của hợp đồng.

Thực hiện hợp đồng. ông NTT đã thực hiện thanh toán cụ thể như sau:

+ Ngày 08/12/2022, thanh toán 29.638.000 đồng theo hóa đơn số 00052503;

+ Ngày 17/01/2023, thanh toán 31.978.000 đồng theo hóa đơn số 00004636;

+ Ngày 28/02/2023, thanh toán 32.508.000 đồng theo hóa đơn số 00014258;

+ Ngày 01/3/2023, thanh toán 700.000 đồng theo hóa đơn số 00014622 và số 00014623;

+ Ngày 03/4/2023, thanh toán 32.410.000 đồng theo hóa đơn số 00022948 và số 00022949;

+ Ngày 21/6/2023, thanh toán 31.945.000 đồng theo hóa đơn số 00042998.

Theo Thông báo bắt đầu thuê số 3263/2210, lãi suất tiêu chuẩn là lãi suất trung bình của lãi suất tiền gửi áp dụng cho khách hàng cá nhân có kỳ hạn mười ba tháng, lãi nhận cuối kỳ của ba ngân hàng: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) và Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VP Bank) và công bố lãi suất năm

(365 ngày) của ba ngân hàng này thì lãi suất tiêu chuẩn và lãi suất thuê theo thỏa thuận là:

Tháng	BIDV (365 ngày/năm)	Sacombank (365 ngày/năm)	VP Bank (365 ngày/năm)	Lãi suất tiêu chuẩn (365 ngày/năm)	Lãi suất tiêu chuẩn (360 ngày/năm)	Lãi suất thuê (360 ngày/năm)
10/2022	6.40%	7.10%	7.80%	7.10%	7.00%	13.45%
11/2022	7.40%	7.35%	8.90%	7.88%	7.78%	14.23%
12/2022	7.40%	8.90%	9.30%	8.53%	8.42%	14.87%
01/2023	7.40%	8.90%	9.30%	8.53%	8.42%	14.87%
02/2023	7.40%	8.45%	9.30%	8.38%	8.27%	14.72%
03/2023	7.20%	8.00%	8.90%	8.03%	7.92%	14.37%
04/2023	7.20%	7.80%	8.40%	7.80%	7.69%	14.14%
05/2023	7.20%	7.80%	8.00%	7.67%	7.56%	14.01%

Số tiền thuê đã thanh toán nêu trên của ông NTT được hạch toán lại để trừ các khoản phải trả như sau:

- **Kỳ 1** (ngày 25/11/2022): Tiền lãi thuê phải thanh toán của kỳ là 1.110.525.394 đồng x 13.45%/năm : 360 ngày/năm x 28 ngày = 11.617.330 đồng; dư nợ gốc còn lại là 1.110.525.394 đồng – 18.727.440 đồng = 1.091.797.954 đồng.

Ông NTT thanh toán ngày 08/12/2022 (quá hạn 13 ngày) nên số tiền lãi quá hạn và tiền chậm thanh toán phát sinh:

+ Tiền lãi quá hạn là: 18.727.440 đồng x (13.45%/năm x 1.5 : 360 ngày/năm) x 13 ngày = 136.437 đồng.

+ Tiền lãi đối với tiền lãi thuê chậm trả : 11.617.330 đồng x 10%/năm : 365 ngày/năm x 13 ngày = 41.377 đồng.

Số tiền thanh toán 29.638.000 đồng được hạch toán trả cho khoản nợ gốc quá hạn là 18.727.440 đồng, tiền lãi thuê quá hạn là 10.910.560 đồng, nên số tiền còn thiếu của kỳ 1 chuyển sang kỳ sau là:

+ Tiền lãi thuê: 11.617.330 đồng - 10.910.560 đồng = 706.770 đồng;

+ Tiền lãi quá hạn là: 136.437 đồng;

+ Tiền lãi đối với tiền lãi thuê chậm trả là: 41.377 đồng.

- **Kỳ 2** (Ngày 25/12/2022 là chủ nhật. nên ngày cuối của kỳ là ngày 26/12/2022): Tiền lãi thuê phải thanh toán của kỳ là 1.091.797.954 đồng x 14.23%/năm : 360 ngày/năm x 31 ngày = 13.378.468 đồng; dư nợ gốc còn lại là 1.091.797.954 đồng – 18.727.440 đồng = 1.073.070.514 đồng.

Ông NTT thanh toán ngày 17/01/2023 (quá hạn 22 ngày) nên số tiền lãi quá hạn và tiền chậm thanh toán phát sinh:

+ Tiền lãi quá hạn là: 18.727.440 đồng x (14.23%/năm x 1.5 : 360 ngày/năm) x 22 ngày = 244.284 đồng;

+ Tiền lãi đối với tiền lãi thuê chậm trả: 13.378.468 đồng x 10%/năm : 365 ngày/năm x 22 ngày = 80.637 đồng.

Số tiền thanh toán 31.978.000 đồng được hạch toán trả cho khoản nợ gốc quá hạn là 18.727.440 đồng. tiền lãi thuê quá hạn là 13.250.560 đồng. nên số tiền còn thiếu của kỳ 2 chuyển sang kỳ sau là:

+ Tiền lãi thuê là: (706.770 đồng + 13.378.468 đồng) - 13.250.560 đồng = 834.678 đồng;

+ Tiền lãi quá hạn là: 136.437 đồng + 244.284 đồng = 380.721 đồng;

+ Tiền lãi đối với tiền lãi thuê chậm trả là: 41.377 đồng + 80.637 đồng = 122.014 đồng.

- **Kỳ 3** (ngày 25/01/2023): Tiền lãi thuê phải thanh toán của kỳ là 1.073.070.514 đồng x 14.87%/năm : 360 ngày/năm x 30 ngày = 13.297.132 đồng; dư nợ gốc còn lại là 1.073.070.514 đồng – 18.727.440 đồng = 1.054.343.074 đồng.

Tiền lãi đối với tiền lãi thuê chậm trả từ ngày 17/01/2023 đến ngày 25/01/2023 là: 834.678 đồng x 10%/năm : 365 ngày/năm x 8 ngày = 1.829 đồng.

Ông NTT không thanh toán số tiền của kỳ này nên số tiền còn thiếu của kỳ 3 chuyển sang kỳ sau là:

+ Tiền gốc quá hạn là: 18.727.440 đồng;

+ Tiền lãi thuê là: 13.297.132 đồng + 834.678 đồng = 14.131.810 đồng;

+ Tiền lãi quá hạn là: 380.721 đồng;

+ Tiền lãi đối với tiền lãi thuê chậm trả là: 122.014 đồng + 1.829 đồng = 123.843 đồng.

- **Kỳ 4** (Ngày 25/02/2023 là thứ bảy. nên ngày cuối của kỳ là ngày 27/02/2023): Tiền lãi thuê phải thanh toán của kỳ là (1.054.343.074 đồng x 14.87%/năm : 360 ngày/năm x 33 ngày) = 14.371.575 đồng; dư nợ gốc còn lại là 1.054.343.075 đồng – 18.727.440 đồng = 1.035.615.634 đồng.

Ông NTT thanh toán ngày 28/02/2023 nên số tiền lãi quá hạn và tiền chậm thanh toán phát sinh gồm:

+ Tiền lãi quá hạn của tiền gốc quá hạn kỳ 3 là: 18.727.440 đồng x (14.87%/năm x 1.5 : 360 ngày/năm) x 34 ngày = 394.509 đồng;

+ Tiền lãi quá hạn của tiền gốc quá hạn kỳ 4 là: 18.727.440 đồng x (14.87%/năm x 1.5 : 360 ngày/năm) x 1 ngày = 11.603 đồng;

+ Tiền lãi do chậm thanh toán: (14.131.810 đồng x 10%/năm : 365 ngày/năm x 34 ngày) + (14.371.575 đồng x 10%/năm : 365 ngày/năm x 1 ngày) = 135.576 đồng.

Số tiền thanh toán 32.508.000 đồng được hạch toán trả cho khoản nợ gốc quá hạn của kỳ 3 và kỳ 4 là 32.508.000 đồng nên số tiền còn thiếu của kỳ 4 là:

+ Tiền gốc quá hạn là: (18.727.440 đồng + 18.727.440 đồng) – 32.508.000 đồng = 4.946.880 đồng;

+ Tiền lãi thuê là: 14.131.810 đồng + 14.371.575 đồng = 28.503.385 đồng;

+ Tiền lãi quá hạn là: 380.721 đồng + 394.509 đồng + 11.603 đồng = 786.833 đồng;

+ Tiền lãi đối với tiền lãi thuê chậm trả là: 123.843 đồng + 135.576 đồng = 259.419 đồng.

Ngày 01/3/2023. ông NTT thanh toán 700.000 đồng được hạch toán trả cho khoản nợ gốc quá hạn là 700.000 đồng nên số tiền còn thiếu của kỳ 4 được chuyển sang kỳ sau là:

+ Tiền gốc quá hạn là: 4.946.880đồng – 700.000 đồng = 4.246.880 đồng;

+ Tiền lãi thuê là: 28.503.385 đồng;

+ Tiền lãi quá hạn là: 786.833 đồng + (4.946.880 đồng x 1.5 x 14.87%/năm : 360 ngày/năm x 1 ngày) = 789.898 đồng;

+ Tiền lãi đối với tiền lãi thuê chậm trả là: 259.4219 đồng + (28.503.385 đồng x 10%/năm : 365 ngày/năm x 1 ngày) = 267.228 đồng.

- **Kỳ 5** (Ngày 25/3/2023 là thứ bảy. nên ngày cuối của kỳ là ngày 27/3/2023): Tiền lãi thuê phải thanh toán của kỳ là 1.035.615.634 đồng x 14.72%/năm : 360 ngày/năm x 28 ngày = 11.856.648 đồng; dư nợ gốc còn lại là 1.035.615.634 đồng – 18.727.440 đồng = 1.016.888.194 đồng.

Ông NTT thanh toán ngày 03/4/2023 (quá hạn 7 ngày so với kỳ) nên số tiền lãi quá hạn và tiền chậm thanh toán phát sinh gồm:

+ Tiền lãi quá hạn của tiền gốc quá hạn kỳ 4 chuyển sang là: 4.246.880 đồng x 1.5 x 14.72%/năm : 360 ngày/năm x 33 ngày = 85.957 đồng;

+ Tiền lãi quá hạn của tiền gốc kỳ 5 quá hạn là: 18.727.440 đồng x 1.5 x 14.72%/năm : 360 ngày/năm x 7 ngày = 80.403 đồng;

+ Tiền lãi đối với tiền lãi thuê chậm trả là: (28.503.385 đồng x 10%/năm : 365 ngày/năm x 33 ngày) + (11.856.648 đồng x 10%/năm : 365 ngày/năm x 7 ngày) = 280.441 đồng;

Số tiền thanh toán 32.410.000 đồng được hạch toán trả cho khoản nợ gốc là (4.246.880 đồng + 18.727.440 đồng = 22.974.319 đồng) và tiền lãi thuê quá hạn chưa trả là 9.435.681 đồng nên số tiền còn thiếu của kỳ 5 được chuyển sang kỳ sau là:

+ Tiền lãi thuê là: (28.503.385 đồng + 11.856.648 đồng) – 9.435.681 đồng = 30.924.352 đồng;

+ Tiền lãi quá hạn là: 789.898 đồng + 85.957 đồng + 80.403 đồng = 956.258 đồng;

+ Tiền lãi đối với tiền lãi thuê chậm trả là: 267.228 đồng + 280.441 đồng = 547.699 đồng.

- **Kỳ 6** (Ngày 25/4/2023): Tiền lãi thuê phải thanh toán của kỳ là 1.016.888.195 đồng x 14.37%/năm : 360 ngày/năm x 31 ngày = 12.583.144 đồng; dư nợ gốc còn lại là 1.016.888.194 đồng – 18.727.440 đồng = 998.160.754 đồng.

Ông NTT không thanh toán nên số tiền còn thiếu của kỳ 6 được chuyển sang kỳ sau là:

+ Tiền gốc quá hạn là: 18.727.440 đồng;

+ Tiền lãi thuê là: 30.924.352 đồng + 12.583.144 đồng = 43.507.496 đồng;

+ Tiền lãi quá hạn là: 956.258 đồng;

+ Tiền lãi đối với tiền lãi thuê chậm trả là: 547.699 đồng + (30.924.351 đồng x 10%/năm : 365 ngày/năm x 22 ngày) = 734.063 đồng.

- **Kỳ 7** (Ngày 25/5/2023): Tiền lãi thuê phải thanh toán của kỳ là (998.160.755 đồng x 14.14%/năm : 360 ngày/năm x 30 ngày) = 11.761.661 đồng; dư nợ gốc còn lại là 998.160.754 đồng – 18.727.440 đồng = 979.433.314 đồng.

Ông NTT thanh toán ngày 21/6/2023 nên số tiền lãi quá hạn và tiền chậm thanh toán phát sinh gồm:

+ Tiền lãi quá hạn của tiền gốc quá hạn kỳ 6 chuyển sang là: 18.727.440 đồng x 1.5 x 14.14%/năm : 360 ngày/năm x (30 ngày + 27 ngày) = 628.914 đồng;

+ Tiền lãi quá hạn của tiền gốc kỳ 7 quá hạn là: 18.727.440 đồng x 1.5 x 14.14%/năm : 360 ngày/năm x 27 ngày = 297.907 đồng;

+ Tiền lãi đối với tiền lãi thuê chậm trả là [43.507.496 đồng x 10%/năm : 365 ngày/năm x (30 ngày + 27 ngày)] + (11.761.661 đồng x 10%/năm : 365 ngày/năm x 27 ngày) = 766.436 đồng.

Số tiền thanh toán 31.945.000 đồng được hạch toán trả cho khoản nợ gốc là 31.945.000 đồng nên số tiền còn thiếu là:

+ Tiền gốc quá hạn là: (18.727.440 đồng + 18.727.440 đồng) - 31.945.000 đồng = 5.509.880 đồng;

+ Tiền lãi thuê là: 43.507.496 đồng + 11.761.661 đồng = 55.269.157 đồng;

+ Tiền lãi quá hạn là: 956.258 đồng + 628.914 đồng + 297.907 đồng = 1.883.079 đồng;

+ Tiền lãi đối với tiền lãi thuê chậm trả là: 734.063 đồng + 766.436 đồng = 1.500.499 đồng.

Tuy nhiên ngày 22/6/2023. Hợp đồng cho thuê tài chính số B221038901 ngày 25/10/2022 bị chấm dứt trước hạn nên căn cứ điểm c khoản 9 Điều 35 Thông tư 30/2015/TT-NHNN ngày 25/12/2016. số tiền mà ông NTT còn thiếu sau khi trừ tiền ký cược bảo đảm 132.025.310 đồng là:

+ Tiền nợ gốc còn lại: 979.433.314 đồng + 5.509.880 đồng – 132.025.310 đồng = 852.917.884 đồng;

+ Tiền lãi thuê còn lại phải trả từ khi chấm dứt 22/6/2023 đến khi kết thúc hợp đồng theo thỏa thuận hợp đồng. với lãi suất trong hạn tại thời điểm cận nhất trước thời điểm chấm dứt hợp đồng cho thuê tài chính trước hạn 14.1%/năm. là:

Kỳ	Ngày cuối kỳ	Số ngày	Lãi suất thuê	Tiền thuê phải trả	Tiền lãi thuê	Dư nợ gốc cuối kỳ
7	22/6/2023					979.433.314
8	25/06/2023	3	14.10%	18.727.440	1.150.834	960.705.874
9	25/07/2023	30	14.10%	18.727.440	11.288.294	941.978.434
10	25/08/2023	31	14.10%	18.727.440	11.437.188	923.250.994
11	25/09/2023	31	14.10%	18.727.440	11.209.806	904.523.554
12	25/10/2023	30	14.10%	18.727.440	10.628.152	885.796.114
13	25/11/2023	31	14.10%	18.727.440	10.755.041	867.068.674
14	25/12/2023	30	14.10%	18.727.440	10.188.057	848.341.234
15	25/01/2024	31	14.10%	18.727.440	10.300.276	829.613.794
16	25/02/2024	31	14.10%	18.727.440	10.072.894	810.886.354
17	25/03/2024	29	14.10%	18.727.440	9.210.318	792.158.914

18	25/04/2024	31	14.10%	18.727.440	9.618.129	773.431.474
19	25/05/2024	30	14.10%	18.727.440	9.087.820	754.704.034
20	25/06/2024	31	14.10%	18.727.440	9.163.365	735.976.594
21	25/07/2024	30	14.10%	18.727.440	8.647.725	717.249.154
22	25/08/2024	31	14.10%	18.727.440	8.708.600	698.521.714
23	25/09/2024	31	14.10%	18.727.440	8.481.218	679.794.274
24	25/10/2024	30	14.10%	18.727.440	7.987.583	661.066.834
25	25/11/2024	31	14.10%	18.727.440	8.026.453	642.339.394
26	25/12/2024	30	14.10%	18.727.440	7.547.488	623.611.954
27	25/01/2025	31	14.10%	18.727.440	7.571.688	604.884.514
28	25/02/2025	31	14.10%	18.727.440	7.344.306	586.157.074
29	25/03/2025	28	14.10%	18.727.440	6.428.189	567.429.634
30	25/04/2025	31	14.10%	18.727.440	6.889.541	548.702.194
31	25/05/2025	30	14.10%	18.727.440	6.447.251	529.974.754
32	25/06/2025	31	14.10%	18.727.440	6.434.777	511.247.314
33	25/07/2025	30	14.10%	18.727.440	6.007.156	492.519.874
34	25/08/2025	31	14.10%	18.727.440	5.980.012	473.792.434
35	25/09/2025	31	14.10%	18.727.440	5.752.630	455.064.994
36	25/10/2025	30	14.10%	18.727.440	5.347.014	436.337.554
37	25/11/2025	31	14.10%	18.727.440	5.297.865	417.610.114
38	25/12/2025	30	14.10%	18.727.440	4.906.919	398.882.674
39	25/01/2026	31	14.10%	18.727.440	4.843.100	380.155.234
40	25/02/2026	31	14.10%	18.727.440	4.615.718	361.427.794
41	25/03/2026	28	14.10%	18.727.440	3.963.658	342.700.354
42	25/04/2026	31	14.10%	18.727.440	4.160.953	323.972.914
43	25/05/2026	30	14.10%	18.727.440	3.806.682	305.245.474
44	25/06/2026	31	14.10%	18.727.440	3.706.189	286.518.034
45	25/07/2026	30	14.10%	18.727.440	3.366.587	267.790.594
46	25/08/2026	31	14.10%	18.727.440	3.251.424	249.063.154
47	25/09/2026	31	14.10%	18.727.440	3.024.042	230.335.714
48	25/10/2026	30	14.10%	18.727.440	2.706.445	211.608.274
49	25/11/2026	31	14.10%	18.727.440	2.569.277	192.880.834
50	25/12/2026	30	14.10%	18.727.440	2.266.350	174.153.394
51	25/01/2027	31	14.10%	18.727.440	2.114.512	155.425.954

52	25/02/2027	31	14.10%	18.727.440	1.887.130	136.698.514
53	25/03/2027	28	14.10%	18.727.440	1.499.127	117.971.074
54	25/04/2027	31	14.10%	18.727.440	1.432.365	99.243.634
55	25/05/2027	30	14.10%	18.727.440	1.166.113	80.516.194
56	25/06/2027	31	14.10%	18.727.440	977.601	61.788.754
57	25/07/2027	30	14.10%	18.727.440	726.018	43.061.314
58	25/08/2027	31	14.10%	18.727.440	522.836	24.333.874
59	25/09/2027	31	14.10%	18.727.440	295.454	5.606.434
60	25/10/2027	30	14.10%	5.606.434	65.876	0
			Tổng cộng		**300.884.046**	đồng

+ Tiền lãi thuê trong hạn chưa trả đến 22/6/2023 là: 55.269.157 đồng + (979.433.316 đồng x 14.01%/năm : 360 ngày/năm x 28 ngày) = 65.941.715 đồng;

+ Tiền lãi thuê quá hạn chưa trả đến ngày 22/6/2023 là: 1.883.079 đồng + (5.509.880 đồng x 1.5 x 14.01%/năm : 360 ngày/năm x 1 ngày) = 1.886.295 đồng;

+ Tiền lãi đối với tiền lãi thuê chậm trả tính đến ngày 22/6/2023 là 1.500.499 đồng + (55.269.157 đồng x 10%/năm : 365 ngày x 1 ngày) = 1.515.641 đồng.

Xét ngày 12/12/2023. tài sản cho thuê tài chính là ô tô tải (có mui) hiệu Dongfeng. biển số 50H-201.20 đã được xử lý xong theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho thuê tài chính số B221038901 nên căn cứ điểm 26.3.5 khoản 26.3 Điều 26 của hợp đồng, số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thuê sẽ được dùng để bù bắp cho các khoản phải thu sau khi trừ đi các chi phí lưu kho, bảo quản, sửa chữa, phí bảo hiểm tài sản thuê và các chi phí hợp lý trong quá trình thu hồi, xử lý, chuyển nhượng tài sản thuê bao gồm, nhưng không giới hạn bởi phí tiếp thị, phí vận chuyển, phí định giá, phí đấu giá.… và các khoản thuế liên quan đến việc xử lý. chuyển nhượng tài sản thuê, cụ thể:

+ tiền bán tài sản là 700.000.000 đồng. đã bao gồm thuế GTGT 8% theo Hóa đơn số 00000113 ngày 13/12/2023 theo Hóa đơn 00000113 ngày 13/12/2023 do Công ty QT xuất cho người mua tài sản;

+ phí di chuyển xe ô tô được bàn giao ngày 10/8/2023 từ đường Ngô Chí Quốc. Bình Chiểu, thành phố Thủ Đức về kho tại phường Long Bình, Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh trả cho ông Lý Nguyễn Văn Tuấn là 2.222.222 đồng (Hai triệu hai trăm hai mươi hai nghìn hai trăm hai mươi hai đồng), Công ty QT xuất khoản phí này cho ông NTT theo Hóa đơn số 00001968 ngày 19/12/2023.

+ tiền thuê kho bãi theo Hợp đồng số 01.2023/HĐTK-Công ty QT với Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Mai Quốc Hưng (MSDN: 0313966793) gửi giữ xe tải thùng 50H-201.20 từ ngày 11/8/2023 đến ngày 11/12/2023 tổng cộng là 8.800.000

đồng (Tám triệu tám trăm nghìn đồng), Công ty QT xuất khoản phí này cho ông NTT theo Hóa đơn số 00000282 ngày 26/02/2024.

+ tiền phạt nguội lỗi không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông ngày 17/6/2023 theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số G01.899.801.308-981-23-008821/QD-XPHC ngày 04/12/2023 là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Từ đó. số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thuê là 700.000.000 đồng – 2.222.222 đồng – 8.800.000 đồng – 10.000.000 đồng = 678.977.778 đồng (Sáu trăm bảy mươi tám triệu chín trăm bảy mươi bảy nghìn bảy trăm bảy mươi tám đồng) được trừ vào tiền nợ gốc còn lại. nên số tiền nợ gốc còn lại là: 852.917.884 đồng – 678.977.778 đồng = 173.940.106 đồng (Một trăm bảy mươi ba triệu chín trăm bốn mươi nghìn một trăm lẻ sáu đồng).

Theo thỏa thuận tại điểm 26.3.1 khoản 26.3 Điều 26 Hợp đồng số B221038901, ông NTT phải còn phải trả lãi chậm trả theo công thức:

Số tiền lãi phải trả do chậm thanh toán tiền nợ gốc còn lại phải trả	=	Tiền lãi thuê trên số tiền vốn gốc và thuế GTGT còn lại theo mức lãi suất bằng 150% lãi suất tại ngày gần nhất trước ngày chấm dứt hợp đồng trước hạn. được tính từ ngày chấm dứt trước hạn cho đến thời điểm trả xong	–	Tiền lãi thuê còn lại phải trả theo lãi suất thuê tại ngày gần nhất trước ngày chấm dứt hợp đồng trước hạn, từ ngày chấm dứt hợp đồng trước hạn cho đến ngày kết thúc hợp đồng theo thỏa thuận
A	=	B	–	C

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 06/10/2025, số tiền lãi phải trả do chậm thanh toán tiền nợ gốc còn lại phải trả được tính như sau:

+ tiền lãi thuê trên số tiền gốc còn lại theo mức lãi suất bằng 150% lãi suất tại ngày gần nhất trước ngày chấm dứt hợp đồng trước hạn. được tính từ ngày chấm dứt trước hạn cho đến thời điểm trả xong là: (842.917.884 đồng x 150% x 14.01%/năm : 360 ngày/năm x 174 ngày) + (173.940.106 x 150% x 14.01%/năm : 360 ngày/năm x 663 ngày) = 152.936.664 đồng.

+ tiền lãi thuê còn lại phải trả: 300.884.046 đồng.

Số tiền lãi phải trả do chậm thanh toán tiền nợ gốc còn lại phải trả là: (152.936.664 đồng – 300.884.046 đồng = -147.947.382 đồng) < 0 nên đến ngày xét xử sơ thẩm tiền lãi phải trả cho chậm thanh toán tiền nợ gốc còn lại phải trả chưa phát sinh.

Từ những tính toán trên, số tiền mà ông NTT còn thiếu Công ty QT là:

+ Tiền nợ gốc còn lại là: 173.940.106 đồng (Một trăm bảy mươi ba triệu chín trăm bốn mươi nghìn một trăm lẻ sáu đồng).

+ Tiền lãi thuê còn lại phải trả từ khi chấm dứt 22/6/2023 đến khi kết thúc hợp đồng theo thỏa thuận hợp đồng, với lãi suất trong hạn tại thời điểm cận nhất trước thời điểm chấm dứt hợp đồng cho thuê tài chính trước hạn là 14.1%/năm. là: 300.884.046 đồng;

+ Tiền lãi thuê trong hạn chưa trả tính đến 22/6/2023 là: 65.941.715 đồng;

+ Tiền lãi thuê quá hạn chưa trả tính đến ngày 22/6/2023 là: 1.886.295 đồng;

+ Tiền lãi đối với tiền lãi thuê chậm trả tính đến ngày 22/6/2023 là 1.515.641 đồng.

+ Tiền lãi chậm thanh toán trên số tiền nợ gốc còn lại là: 0 đồng.

Tổng cộng là: 544.167.804 đồng (Năm trăm bốn mươi bốn triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn tám trăm lẻ bốn đồng).

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên QT yêu cầu ông NTT thanh toán số tiền còn thiếu của Hợp đồng cho thuê tài chính số B221038901 tính đến ngày xét xử sơ thẩm tổng cộng là 544.167.803 đồng (Năm trăm bốn mươi bốn triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn tám trăm lẻ ba đồng), trong đó: tiền nợ gốc còn lại 173.940.106 đồng, tiền lãi thuê còn lại phải trả từ khi chấm dứt trước hạn ngày 22/6/2023 là 300.884.046 đồng, tiền lãi thuê trong hạn chưa trả tính đến ngày 22/6/2023 là 65.941.715 đồng, tiền lãi thuê quá hạn chưa trả tính đến ngày 22/6/2023 là 1.886.295 đồng, tiền lãi đối với tiền lãi thuê chậm trả tính đến ngày 22/6/2023 là 1.515.641 đồng, tiền lãi chậm thanh toán trên số tiền nợ gốc còn lại là 0 đồng và tiền lãi chậm thanh toán trên số tiền nợ gốc còn lại tiếp tục phát sinh sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong theo thỏa thuận tại điểm 26.3.1 khoản 26.3 Điều 26 Hợp đồng cho thuê tài chính số B221038901 ngày 25/10/2022.

Do một phần thỏa thuận của các bên bị vô hiệu nên các hóa đơn GTGT do Công ty QT xuất cho ông NTT trong quá trình thực hiện hợp đồng có sai, sót nên căn cứ Điều 47 Luật Quản lý thuế, Công ty QT có trách nhiệm thực hiện khai bổ sung hồ sơ khai thuế đối với các hóa đơn này tại cơ quan quản lý thuế có thẩm quyền trong trường hợp Công ty QT đã hoàn thành thủ tục hồ sơ khai thuế.

[4] Về yêu cầu trách nhiệm bảo lãnh của bà TSM:

Xét bà TSM đã ký Thư bảo lãnh cá nhân ngày 25/10/2022 có nội dung bảo lãnh không huỷ ngang và vô điều kiện, đồng ý thực hiện nghĩa vụ thanh toán của ông NTT với số tiền bảo lãnh bằng các khoản tiền phải trả theo Hợp đồng cho

thuê tài chính số B221038901 ngày 25/10/2022 đối với Công ty QT khi ông NTT *không thể thực hiện được bất kỳ nghĩa vụ thanh toán nào theo hợp đồng thuê vì bất kỳ lý do gì* nên giao dịch bảo lãnh của bà TSM phù hợp với quy định tại Điều 335, Điều 336 Bộ luật Dân sự, do đó các bên phải có trách nhiệm thực hiện đúng các thoả thuận bảo lãnh này.

Xét ông NTT đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán là điều kiện phát sinh quyền của Công ty QT chấm dứt hợp đồng cho thuê tài chính trước hạn và Công ty QT đã thực hiện gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho thuê tài chính kể từ ngày 22/6/2023. thu hồi tài sản thuê nên căn cứ Điều 339 và Điều 342 Bộ luật Dân sự, Công ty QT có quyền yêu cầu bà TSM thực hiện nghĩa vụ thanh toán của ông NTT phát sinh từ Hợp đồng cho thuê tài chính số B221038901 đối với Công ty QT trong trường hợp ông NTT thực hiện không đúng nghĩa vụ tại hợp đồng cho thuê tài chính theo Thư bảo lãnh ký ngày 25/10/2023. Do đó, yêu cầu của Công ty QT về thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh của bà TSM là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí:

Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. bị đơn ông NTT phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 25.766.712 đồng (Hai mươi lăm triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn bảy trăm mười hai đồng).

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 36, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 92/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025; Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025;

Căn cứ Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 335, Điều 336, Điều 339 và Điều 342 Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015; Điều 112, Điều 113 Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 được sửa đổi. bổ sung một số điều của Luật số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017; Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 21, Điều 22 Nghị định số 39/2014/NĐ-CP ngày 07/5/2014 về hoạt động của công ty tài chính và công ty cho thuê tài chính và Thông tư số 30/2015/TT-NHNN ngày 25/12/2015 quy định về cấp giấy phép, tổ chức và hoạt động của Tổ chức tín dụng ngân hàng; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối

với khách hàng; Thông tư số 38/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định về phương pháp tính và hạch toán thu, trả lãi trong hoạt động nhận tiền gửi và cho vay giữa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam với tổ chức tín dụng và các tổ chức khác.

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên QT.

1.1. Ông NTT có trách nhiệm thanh toán ngay cho Công ty Cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên QT tổng số tiền còn thiếu của Hợp đồng cho thuê tài chính số B221038901 ngày 25/10/2022 là 544.167.803 đồng (Năm trăm bốn mươi bốn triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn tám trăm lẻ ba đồng), trong đó: tiền nợ gốc còn lại là 173.940.107 đồng, tiền lãi thuê còn lại phải trả theo hợp đồng cho thuê tài chính từ ngày 22/6/2023 đến thời điểm kết thúc hợp đồng cho thuê tài chính theo hợp đồng ngày 25/10/2027 là 300.884.046 đồng, tiền lãi thuê trong hạn chưa trả tính đến ngày 22/6/2023 là 65.941.715 đồng, tiền lãi thuê quá hạn chưa trả tính đến ngày 22/6/2023 là 1.886.295 đồng, tiền lãi đối với tiền lãi thuê chậm trả đến ngày 22/6/2023 là 1.515.641 đồng và tiền lãi chậm thanh toán trên số tiền nợ gốc còn lại là 0 đồng.

1.2. Kể từ ngay sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong. ông NTT còn phải tiếp tục trả tiền lãi chậm thanh toán trên số tiền nợ gốc còn lại theo thỏa thuận tại điểm 26.3.1 khoản 26.3 Điều 26 Hợp đồng cho thuê tài chính số B221038901 ngày 25/10/2022.

1.3. Trong trường hợp ông NTT thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng cho thuê tài chính số B221038901 ngày 25/10/2022, Công ty Cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên QT có quyền yêu cầu bà TSM thực hiện nghĩa vụ thanh toán của ông NTT theo Thư bảo lãnh cá nhân ngày 25/10/2022.

2. Án phí sơ thẩm:

2.1. Ông NTT phải chịu án phí sơ thẩm giải quyết tranh chấp về dân sự là 25.766.712 đồng (Hai mươi lăm triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn bảy trăm mười hai đồng).

2.2. Hoàn cho Công ty Cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên QT số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.611.000 đồng (Mười ba triệu sáu

trăm mười một nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0054695 ngày 17 tháng 01 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5 – Thành phố Hồ Chí Minh (trước là: Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh. Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Quyền yêu cầu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự. người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND Khu vực 5;
- Phòng THADS Khu vực 5;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký và đóng dấu)

Vũ Thị Thúy Vân